TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HS-ST
Ngày 25-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Đức Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lã Xuân Trường

Bà Trần Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Vi Thế Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị T, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1987 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hồng C (đã chết) và bà Trần Thị L; có chồng là Lưu Văn T (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 31-7-2024 đến nay, có mặt;

2. Đặng Đức T, sinh ngày 16 tháng 6 năm 1986 tại thành phố C, tỉnh Hải Dương; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Đức T và bà Đào Thị H (đã chết); có vợ là Đào Thị D và có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 27-6-2024 đến nay, có mặt.

3. Thân Văn N, sinh ngày 20 tháng 7 năm 1987 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thân Văn L và bà Đỗ Thị L; có vợ là Lý Thị H và có 01 con, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10-7-2024 đến nay, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 27-6-2024 Tổ công tác Công an tỉnh Lạng Sơn làm nhiệm vụ tại khu vực xã N, huyện C, tỉnh Lạng Sơn phát hiện Đặng Đức T đang có hành vi chở 03 người đàn ông có quốc tịch Trung Quốc không có giấy tờ nhập cảnh hợp pháp vào Việt Nam bằng xe ô tô biển kiểm soát 98A- 555.67. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản sự việc.

Quá trình điều tra Đặng Đức T khai nhận: Đặng Đức T có quen biết với Nguyễn Thị T và cả hai đều làm nghề lái xe. Khoảng 19 giờ ngày 26-6-2024, Đặng Đức T nhận được điện thoại của Nguyễn Thị T qua zalo thuê đến tỉnh Lạng Sơn đón 03 khách Trung Quốc nhập cảnh trái phép và đưa 01 người đến khu công nghiệp Đ, tỉnh Bắc Giang, còn 02 người đưa đến bến xe N, Thành phố Hà Nội, tiền công 3.500.000 đồng/chuyến, khi nào Đặng Văn T đến ngã tư C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì đợi sẽ có người liên lạc. Nguyễn Thị T cũng yêu cầu khi nào Đặng Đức T đón được khách thì quay video gửi qua zalo cho Nguyễn Thị T.

Khoảng 21 giờ, Đặng Đức T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 98A-555.67 đến điểm hẹn chờ. Khoảng 23 giờ 40 phút, người đàn ông giao khách (không xác định được nhân thân) sử dụng số điện thoại 0392.895.540 gọi đến nhưng do ngủ say nên Đặng Đức T không nghe máy, sau đó Nguyễn Thị T sử dụng số điện thoại 0966.596.532 gọi cho Đặng Đức T dặn nghe điện thoại để đón khách. Sau khi nghe điện thoại và trao đổi với người giao khách, Đặng Đức T đi theo sau một xe mô tô dẫn đường (không xác định được biển kiểm soát) và đón được 03 người đàn ông Trung Quốc đi từ dưới cống thoát nước lên. Sau khi đón được khách, Đặng Đức T điều khiển xe ô tô về hướng Hà Nội và sử dụng điện thoại quay video 03 khách Trung Quốc gửi qua ứng dụng zalo thông báo cho Nguyễn Thị T biết. Khi Đặng Đức T chở 03 người Trung Quốc đến địa phận xã N, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì bị lực lượng chức năng phát hiện, lập biên bản sự việc.

Quá trình điều tra xác định: Nguyễn Thị T, Đặng Đức T đã nhiều lần tổ chức đón, đưa tổng cộng 07 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, và Thân Văn N tham gia đưa, đón 06 người cùng Đặng Đức T, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 13 giờ ngày 27-5-2024, Nguyễn Thị T gọi điện qua zalo thuê Đặng Đức T đến thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng đón khách Trung Quốc nhập cảnh trái phép và dặn Đặng Đức T khi đón được khách thì quay video gửi qua zalo cho Nguyễn Thị T (Nguyễn Thị T chưa cho biết địa điểm trả khách, chưa thống nhất tiền công) và nói đã gửi số điện thoại 0348.748.818 của Đặng Đức T cho người giao khách ở Cao Bằng. Đặng Đức T nhận lời và điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 98A- 555.67 từ Hà Nội đến Cao Bằng đón khách.

Khoảng 16 giờ, Nguyễn Thị T tiếp tục gọi cho Thân Văn N thuê đến thị trấn B, tỉnh Cao Bằng đón khách Trung Quốc nhập cảnh trái phép và dặn Thân Văn N liên hệ với Đặng Đức T để cùng đón khách, khi đón được thông báo lại cho Nguyễn Thị T biết. Nguyễn Thị T cho Thân Văn N biết do đường đèo dốc nên tìm thêm người cùng lái xe, Thân Văn N gọi Trần Xuân C, sinh năm 1988, trú tại thôn Đ, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang rủ đi cùng đón khách (Thân Văn N không cho Trần Xuân C biết đi đón khách nhập cảnh trái phép). Sau đó Thân Văn N điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 98A-500.18 chở Trần Xuân C đi từ huyện L, tỉnh Bắc Giang đến tỉnh Cao Bằng đón khách, trên đường đi Thân Văn N và Đặng Đức T gọi điện thoại hẹn gặp nhau tại huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Khoảng 23 giờ cùng ngày, Nguyễn Thị T thông báo cho Đặng Đức T biết do trời mưa, khách chưa qua được biên giới và bảo Đặng Đức T thuê phòng nghỉ đợi, Nguyễn Thị T trả thêm tiền nhà nghỉ, tiền ăn. Sau khi thuê phòng nghỉ Đặng Đức T đã gửi vị trí cho Thân Văn N để cùng nhau đợi đón khách. Trong thời gian chờ tại nhà nghỉ, Đặng Đức T cho Thân Văn N biết do trời mưa nên khách chưa được đưa qua biên giới, chờ đến khi khách được đưa qua biên Nguyễn Thị T sẽ thông báo sau. Khoảng 12 giờ ngày 28-5-2024, Đặng Đức T và Thân Văn N gọi cho Nguyễn Thị T qua zalo hỏi khi nào đón được khách, Nguyễn Thị T cho biết khách chưa được đưa qua biên, khi khách sang đến nơi sẽ thông báo sau.

Khoảng 19 giờ, Nguyễn Thị T gọi cho Đặng Đức T thông báo khách đang được đưa từ khu vực biên giới ra, sẽ có người gọi điện thoại để giao khách, đồng thời Nguyễn Thị T đã nhờ Lê Văn S, sinh năm 1986, trú tại xã G, huyện G, tỉnh Nam Định chuyển cho Đặng Đức T 2.000.000 đồng thông qua tài khoản ngân hàng để trả tiền ăn, tiền nhà nghỉ trong thời gian chờ đón khách. Khoảng 20 giờ 25 phút, có người đàn ông (không xác định được nhân thân) sử dụng số điện thoại 0347.171.363 gọi cho Đặng Đức T hẹn đến đoạn đường vắng cách thị trấn B khoảng 03km (thuộc địa phận xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng) để nhận khách. Sau đó Đặng Đức T và Thân Văn N điều khiển xe ô tô đến điểm hẹn, sau khi đến nơi có 03 xe mô tô do 03 người đàn ông Việt Nam (không xác định được nhân thân) chở 06 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép đến (mỗi xe mô tô chở 02 người Trung Quốc), Đặng Đức T và Thân Văn N điều khiển xe ô tô chở 06 khách Trung Quốc về hướng Hà Nội (mỗi xe ô tô chở 03 người) và thông báo cho Nguyễn Thị T biết, Nguyễn Thị T yêu cầu quay video những khách Trung Quốc trên xe gửi qua zalo, do điện thoại không kết nối được với mạng Internet nên cả hai không

quay video gửi cho Nguyễn Thị T. Nguyễn Thị T yêu cầu đưa tất cả các khách Trung Quốc trên đến thành phố Hà Nội.

Khoảng 03 giờ ngày 29-5-2024, Đặng Đức T và Thân Văn N đưa khách đến khu vực cầu P, được Nguyễn Thị T thông báo tiếp tục đưa khách đến gần toà nhà R (cách cầu P khoảng 02km), khi đến nơi có 02 xe ô tô (không xác định được biển kiểm soát) đang chờ đón khách, Đặng Đức T và Thân Văn N ra hiệu cho 06 người Trung Quốc xuống xe để sang xe khác, Đặng Đức T sử dụng điện thoại quay video các khách trên gửi cho Nguyễn Thị T. Sau đó, Nguyễn Thị T sử dụng tài khoản ngân hàng BIDV chuyển cho Đặng Đức T 6.000.000 đồng tiền công, chuyển cho Thân Văn N 6.500.000 đồng tiền công.

Lần thứ hai: Ngày 08-6-2024, Đặng Đức T được Nguyễn Thị T thuê đến xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng đón 02 người khách Trung Quốc nhập cảnh trái phép đưa đến thành phố Hà Nội (cả hai chưa thống nhất tiền công). Khoảng 18 giờ, Đặng Đức T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 98A- 555.67 đến Cao Bằng đón khách. Trên đường đi, Nguyễn Thị T sử dụng số điện thoại 0836.096.904 gọi cho Đặng Đức T (qua số điện thoại 0348.748.818) bảo sử dụng số điện thoại không đăng ký chính chủ (sim rác) để liên lạc đón khách, khi đón được khách thì quay video gửi qua zalo cho Nguyễn Thị T, sau đó xoá hết các nội dung trao đổi trên điện thoại liên quan đến việc đón khách. Tuy nhiên do Đặng Đức T không mang theo sim rác nên Nguyễn Thị T đã gửi số điện thoại 0348.748.818 cho người giao khách Trung Quốc tại Cao Bằng.

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 09-6-2024, Đặng Đức T đến trung tâm xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng và gọi điện thông báo cho Nguyễn Thị T biết. Khoảng 02 giờ cùng ngày, người đàn ông đưa biên (không xác định được nhân thân) sử dụng số điện thoại 0328.719.436 gọi thông báo cho Đặng Đức T biết khách Trung Quốc chưa được đưa qua biên và bảo Đặng Đức T đợi, Đặng Đức T thông báo cho Nguyễn Thị T biết, Nguyễn Thị T bảo Đặng Đức T thuê nhà nghỉ đợi, khi khách sang Nguyễn Thị T sẽ thông báo cho biết, Đặng Đức T đồng ý và điều khiển xe ô tô đến thị trấn T, huyện T thuê phòng nghỉ đợi.

Khoảng 10 giờ, Nguyễn Thị T thông báo cho Đặng Đức T biết đang có người đưa khách ra và bảo Đặng Đức T chuẩn bị đi đón khách, Đặng Đức T gọi điện cho người đàn ông đưa biên thì được thông báo khách Trung Quốc đã được đưa qua biên nhưng chưa đưa được ra đến địa điểm giao khách.

Khoảng 14 giờ 40 phút, người đàn ông đưa biên gọi điện bảo Đặng Đức T đi qua trung tâm xã T khoảng 01 km đón khách. Khoảng 15 giờ 05 phút, Đặng Đức T điều khiển xe ô tô đến điểm hẹn thấy 01 người đàn ông Việt Nam (không xác định được nhân thân) gọi 01 người khách Trung Quốc đi từ trong vườn ngô ra lên xe ô tô của Đặng Đức T. Sau khi đón được khách, Đặng Đức T sử dụng điện thoại quay video người khách Trung Quốc và gửi qua zalo cho Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T yêu cầu đưa đến thành phố B, tỉnh Bắc Ninh và liên hệ với số điện thoại 0378.671.248 để giao khách, đi dọc đường không được dừng xe và không cho ăn uống vì người này không có tiền.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, Đặng Đức T chở người Trung Quốc trên đến thành phố B, liên lạc với số điện thoại 0378.671.248 và giao khách cho người này tại khu vực L thuộc phường V, thành phố B. Sau khi giao khách xong Đặng Đức T thông báo cho Nguyễn Thị T biết, Nguyễn Thị T yêu cầu Đặng Đức T xoá các video, hình ảnh, nội dung trao đổi trong điện thoại có liên quan đến việc đón khách. Ngày 10-6-2024, Nguyễn Thị T sử dụng tài khoản ngân hàng MB chuyển cho Đặng Đức T 6.200.000 đồng tiền công.

Ngày 10-7-2024, Thân Văn N đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn tự thú.

Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã trưng cầu giám định tiếng nói đối với người sử dụng số điện thoại 0836.096.904. Tại bản Kết luận giám định số 8587 ngày 21/11/2024 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: "*Tiếng nói của người phụ nữ sử dụng số điện thoại 0836.096.904 và tiếng nói Nguyễn Thị T trong mẫu so sánh là của một người*".

Bản Cáo trạng số 14/CT-VKSLS-P2 ngày 16-01-2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị T, Đặng Đức T về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Thân Văn N về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Đặng Đức T, Thân Văn N đều thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân như nội dung cáo trạng truy tố; bị cáo Nguyễn Thị T thừa nhận hành vi phạm tội nhưng cho rằng ngày 27-5-2024 và ngày 08-6-2024 bị cáo không biết những người khách Trung Quốc là người nhập cảnh trái phép, đến khi bị bắt tạm giam thì bị cáo mới biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T, Đặng Đức T và Thân Văn N phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép. Đề nghị áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 348, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm tù; áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 348, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đặng Đức T từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348, điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Thân Văn N từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về biện pháp tư pháp: Truy thu số tiền các bị cáo có được do phạm tội để sung Ngân sách Nhà nước. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu hoá giá, sung Ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, 02 điện thoại Iphone do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, bị

cáo Thân Văn N 01 điện di động nhãn hiệu Viettel do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí và kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn Thị T quá trình điều tra không thừa nhận hành vi phạm tội, tại phiên toà bị cáo đã thay đổi lời khai thừa nhận hành vi phạm tội nhưng cho rằng ngày 27-5-2024 và ngày 08-6-2024 bị cáo không biết những người khách Trung Quốc là người nhập cảnh trái phép, đến khi bị bắt tạm giam thì bị cáo mới biết. Tuy nhiên qua giám định ghi âm giọng nói giữa bị cáo Đặng Đức T và bị cáo Nguyễn Thị T có cơ sở khẳng định bị cáo Nguyễn Thị T biết những người Trung Quốc là người nhập cảnh trái phép. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

[2.1] Do đó, có căn cứ xác định: Vì mục đích vụ lợi trong các ngày 27-5-2024, 08-6-2024, Nguyễn Thị T đã 02 lần thuê Đặng Đức T tổ chức cho 07 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép từ tỉnh Cao Bằng để đưa về Bắc Giang và Hà Nội. Ngoài ra, ngày 26-6-2024 Đặng Đức T còn tổ chức cho 03 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép nhưng do bị cáo bị bắt quả tang ngày 27-6-2024 nên chưa nhận được tiền công. Bị cáo Thân Văn N tham gia 01 lần cùng Đặng Đức T chở 06 khách Trung Quốc nhập cảnh trái phép, nhận được tiền công là 6.500.000 đồng. Đặng Đức T nhận được tiền công ngày 27-5-2024 và 08-6-2024 tổng là 14.200.000 đồng;

[2.2] Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Nguyễn Thị T, Đặng Đức T phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Thân Văn N phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và gây mất ổn định xã hội tại địa

phương nhất là khu vực biên giới. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rõ hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi mà vẫn cố ý thực hiện.

[4] Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, để cá thể hóa hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ xem xét, đánh giá nhân thân, vai trò và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo để xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà từng bị cáo gây ra.

[5] Về vai trò: Bị cáo Nguyễn Thị T giữ vai trò chính, là người thuê các bị cáo Đặng Đức T, Thân Văn N đi chở những người Trung Quốc nhập cảnh trái phép. Các bị cáo Đặng Đức T, Thân Văn N đều là những người thực hiện theo sự chỉ đạo của Nguyễn Thị T, trong đó bị cáo Đặng Đức T thực hiện với vai trò tích cực, Thân Văn N có vai trò thấp nhất.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Thị T, Đặng Đức T và Thân Văn N đều có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này các bị cáo chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: 03 bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo Đặng Đức T, Thân Văn N đều thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Nguyễn Thị T quá trình điều tra không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng tại phiên toà bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân và tỏ ra ăn năn hối cải nhưng việc thừa nhận hành vi của bị cáo chưa thực sự thành khẩn vẫn mang tính vòng vo; bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 nhưng mức độ giảm nhẹ không đáng kể. Trong quá trình điều tra, sau khi bị bắt, bị cáo Đặng Đức T chưa khai nhận hành vi phạm tội của bản thân và Nguyễn Thị T, Thân Văn N trong lần tổ chức cho người nhập cảnh từ Cao Bằng vào ngày 27, 28-5-2024, chỉ đến khi ngày 10-7-2024, bị cáo Thân Văn N sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã đến Cơ quan điều tra để tự thú ra hành vi phạm tội của bản thân và đồng phạm thì bị cáo Đặng Đức T mới thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân và từ việc khai nhận của Thân Văn N nên mới có căn cứ xác định được Nguyễn Thị T là người đã chủ động thuê các bị cáo khác cùng thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, bị cáo Thân Văn N được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Đặng Đức T có ông nội là ông Đặng Đức C được tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba, bà nội là bà Vũ Thị L được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất; bị cáo Thân Văn N có bác ruột là liệt sỹ Thân Minh Ư, hiện nay bố bị cáo đang thời cúng; ông Thân Minh Ứng được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba, Huân chương chiến công giải phóng hạng Ba, ông bà nội của bị cáo là ông Thân Văn

C và bà Nguyễn Thị T được tặng Bảng vàng danh dự, ông Thân Văn C được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo Đặng Đức T và Thân Văn N được hưởng quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[10] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện các bị cáo không có tài sản riêng để đảm bảo thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Về áp dụng các biện pháp tư pháp: Trong quá trình phạm tội, các bị cáo còn nhận được tiền công tổ chức cho những người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, cụ thể: Bị cáo Nguyễn Thị T nhận được hưởng 800.000 đồng (sau khi nhận được 7.000.000 đồng tiền công bị cáo chuyển cho Đặng Đức T 6.200.000 đồng), Đặng Đức T nhận được 14.200.000 đồng, bị cáo Thân Văn N nhận được 6.500.000 đồng nên cần truy thu số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước.

[12] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu hoá giá, sung Ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, 02 điện thoại Iphone do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, bị cáo Thân Văn N 01 điện di động nhãn hiệu Viettel do không liên quan đến hành vi phạm tội.

[13] Đối với người đàn ông sử dụng số điện thoại 0392.895.540 đã trực tiếp liên lạc để giao 03 khách Trung Quốc nhập cảnh trái phép cho Đặng Đức T tại khu vực xã H, huyện Cao Lộc ngày 27-6-2024. Đặng Đức T khai không biết họ tên và địa chỉ của người này. Xác định chủ thuê bao là Trịnh Văn Đ, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Kết quả xác minh: Trịnh Văn Đ không được sử dụng số điện thoại trên và không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Đối với những người tổ chức và đón, đưa Lưu N, Trần Đình K, Vương Hoa X giao cho Đặng Đức T ngày 26-7-2024; 03 người đàn ông dùng xe mô tô chở 06 người Trung Quốc giao cho Đặng Đức T và Thân Văn N tại huyện B, tỉnh Cao Bằng ngày 28-5-2024; 02 xe ô tô đón 06 người Trung Quốc tại khu vực cầu P, thành phố Hà Nội ngày 29-5-2024. Do không có thông tin, Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh làm rõ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[15] Đối với người đàn ông sử dụng số điện thoại 0347.171.363 đã trực tiếp liên lạc với Đặng Đức T để giao 06 khách Trung Quốc tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Đặng Đức T khai không biết họ tên và địa chỉ người này. Xác định chủ thuê bao là Lữ Thị S, sinh năm 1995, địa chỉ: Xóm N, xã Cốc P, huyện

B, tỉnh Cao Bằng. Kết quả xác minh: Lữ Thị S không được sử dụng số điện thoại trên và không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[16] Đối với Trần Xuân C đã đi cùng Thân Văn N đón 06 khách Trung Quốc nhập cảnh trái phép ngày 28-5-2024 tại huyện B, tỉnh Cao Bằng. Kết quả điều tra xác định, Trần Xuân C không liên quan đến hành vi phạm tội của Thân Văn N nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[17] Đối với Lê Văn S là người đã chuyển cho Đặng Đức T số tiền 2.000.000 đồng ngày 28-5-2024. Kết quả điều tra xác định, giữa Lê Văn S và Đặng Đức T không quen biết nhau, Lê Văn S không được Nguyễn Thị T cho biết mục đích chuyển tiền cho Đặng Đức T. Kết quả điều tra xác định Lê Văn S không liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[18] Đối với người đàn ông sử dụng số điện thoại 0328.719.436 đã liên lạc để giao 01 khách Trung Quốc cho Đặng Đức T tại xã T, huyện H, tỉnh Cao Bằng ngày 09-6-2024. Đặng Đức T khai không biết họ tên, địa chỉ của người này. Xác định chủ thuê bao là Hoàng Văn H, sinh năm 1978, địa chỉ: Xóm K, xã P, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Kết quả điều tra xác định, Hoàng Văn H không được sử dụng số điện thoại trên và không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[19] Đối với người đàn ông sử dụng số điện thoại 0378.671.248 đã trực tiếp liên lạc nhận 01 khách Trung Quốc nhập cảnh trái phép với Đặng Đức T tại khu vực L thuộc phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh ngày 09-6-2024. Đặng Đức T khai không biết họ tên, địa chỉ của người này. Xác định chủ thuê bao là Trần Thị Â, sinh năm 1973, địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Kết quả điều tra xác định, Trần Thị Â không được sử dụng số điện thoại trên, không biết người nào đang sử dụng số điện thoại trên và không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[20] Đối với các tài khoản ngân hàng BIDV, MB Bank do Nguyễn Thị T sử dụng để chuyển tiền công cho Đặng Đức T và Thân Văn N. Xác định: Ngày 29-5-2024 tài khoản BIDV của Nguyễn Thị T nhận được 31.970.000 đồng và ngày 10-6-2024 tài khoản ngân hàng MB Bank nhận 7.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng CIMB Bank, chủ tài khoản là Lê Thị Xuân H, sinh năm 1997, trú tại KP T, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Kết quả điều tra xác định, Lê Xuân H đã lấy chồng và sinh sống tại Trung Quốc (không xác định được địa chỉ cụ thể), Cơ quan điều tra không ghi được lời khai đối với Lê Xuân H nên không xác định được số tiền 31.970.000 đồng có liên quan đến vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đối với số tiền 31.970.000 đồng. Số tiền 7.000.000 đồng thì phù hợp với nội dung trao đổi được ghi âm trong điện thoại giữa Nguyễn Thị T và Đặng Đức T nên đủ căn cứ xác định đây là tiền công chở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép.

[21] Đối với 07 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam ngày 28-5-2024 và ngày 09-6-2024, các bị cáo không biết thông tin của 07 người

này, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[22] Đối với các công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam là Lưu N, Trần Đình K, Vương Hoa X, Công an tỉnh Lạng Sơn đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính và trục xuất khỏi Nước Cộng Hòa XHCN Việt Nam nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[23] Đối với chiếc xe ô tô Toyota Vios, biển kiểm soát 98A-555.67 do Đặng Đức T sử dụng để chở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép. Quá trình điều tra xác định chiếc xe này thuộc sở hữu của Lý Thị T, sinh năm 1992, trú tại thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Lý Thị T có cho em gái ruột là Lý Thị H mượn. Lý Thị T không biết Đặng Đức T sử dụng ô tô để chở người nhập cảnh trái phép. Cơ quan điều tra đã trả lại xe và các giấy tờ liên quan cho chị Lý Thị T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[24] Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, biển kiểm soát 98A-500.18 do Thân Văn N sử dụng để chở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép. Quá trình điều tra xác định chiếc xe này thuộc sở hữu của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991, trú tại thôn D, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Anh Nguyễn Văn T không biết Thân Văn N sử dụng xe để chở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép. Cơ quan điều tra đã trả lại xe và các giấy tờ liên quan cho anh Nguyễn Văn Toàn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[25] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[26] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, ý kiến nào phù hợp với nhận định trên thì được Hội đồng xét xử chấp nhận, ý kiến nào không phù hợp với nhận định trên thì không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[27] Các bị cáo có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 348, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị T;

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 348, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đặng Đức T;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348, điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Thân Văn N;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 106, khoản 1, 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T, Đặng Đức T, Thân Văn N phạm tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép.

II. Về hình phạt:

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt là ngày 31-7-2024.

2. Xử phạt bị cáo Đặng Đức T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt là ngày 27-6-2024.

3. Xử phạt bị cáo Thân Văn N 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt là ngày 10-7-2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

III. Về biện pháp tư pháp:

1. Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Thị T số tiền 800.000 (tám trăm nghìn) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

2. Truy thu đối với bị cáo Đặng Đức T 14.200.000 (mười bốn triệu hai trăm nghìn) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

3. Truy thu đối với bị cáo Thân Văn N số tiền 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

IV. Về xử lý vật chứng:

1. Tịch thu, hóa giá, nộp ngân sách Nhà nước:

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu xanh, đã qua sử dụng, số IMEI1: 354650133015390/01; IMEI2: 355740243015395/01 bên trong lắp 02 sim điện thoại mạng Viettel.

- 01 (một) máy điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, màu ghi xám, máy cũ, đã qua sử dụng; số IMEI1: 353924104506377; số IMEI2: 353924104511906, trong máy lắp 01 sim mạng viettel.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xanh, số Imei: 358863667981442; số Imei 2: 358863667796972, bên trong lắp 02 sim mạng Viettel; tình trạng máy: Cũ, đã qua sử dụng.

2. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đỏ, số Imei 1: 868405033676992; số Imei 2: 868405033676984; tình trạng máy: Cũ, đã qua sử dụng, màn hình bị nứt, vỡ.

3. Trả lại cho bị cáo Thân Văn N: 01 (một) máy điện thoại di động nhãn hiệu Viettel, màu xanh đen, máy cũ, đã qua sử dụng; số IMEI1: 354129330683474; số IMEI2: 354129330683482, trong máy lắp 01 sim mạng viettel.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21 tháng 01 năm 2025).

V. Về án phí:

Các bị cáo Nguyễn Thị T, Đặng Đức T và Thân Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- PV06, PA09, PC10 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, THS, HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vi Đức Trí